

## SỰ TIẾP NHẬN TRUYỀN THÔNG CỦA NGƯỜI GIÁY VÀ NGƯỜI HMÔNG Ở VÙNG BIÊN GIỚI TỈNH LÀO CAI<sup>1</sup>

TS. Trần Hồng Thu  
Viện Dân tộc học  
Email: tranhongthu74@yahoo.com

**Tóm tắt:** Người Giáy và người Hmông là hai tộc người cư trú khá đông ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai, có nhiều mối quan hệ đồng tộc, thân tộc, thích tộc cùng các mối quan hệ kinh tế, văn hóa, xã hội xuyên biên giới với phía Trung Quốc. Sinh sống ở địa bàn biên giới, các tộc người này tiếp nhận nhiều luồng truyền thông khác nhau từ Việt Nam, Trung Quốc và các nơi khác. Dựa trên các kết quả nghiên cứu điền dã dân tộc học và điều tra bảng hỏi được thực hiện tại một số xã biên giới thuộc huyện Bát Xát và huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai năm 2021 và năm 2022, bài viết tập trung phân tích năng lực tiếp nhận truyền thông và sự lựa chọn tiếp nhận truyền thông của người Giáy và người Hmông ở địa bàn, đồng thời cung cấp các thông tin hiểu biết về sự tiếp nhận truyền thông của cư dân hai tộc người này ở khu vực biên giới như một chỉ báo quan trọng để đánh giá tính hiệu quả của truyền thông trong khu vực.

**Từ khóa:** Truyền thông, người Giáy, người Hmông, biên giới, Lào Cai.

**Abstract:** The Giay and Hmong are two ethnic groups residing in the border area of Lao Cai province. They have many cross-border ethnic and kinship (consanguineal and affinal) relationships, as well as economic, cultural, and social relationships with the Chinese side. Living in the border area, these ethnic groups have access to various media streams from Vietnam, China, and elsewhere. Based on the results of ethnographic fieldwork and survey questionnaires conducted in some border communes in Bat Xat and Muong Khuong districts, Lao Cai province, in 2021 and 2022, this article focuses on analysing the capacity and choice of media reception of Giay and Hmong people in the area. At the same time, it provides information and understanding about the media reception of the inhabitants of these two ethnic groups in the border area as an essential indicator to assess the effectiveness of communication in the region.

**Keywords:** Media, Giay people, Hmong people, border, Lao Cai.

Ngày nhận bài: 30/6/2022 ; ngày gửi phản biện: 4/7/2022; ngày duyệt đăng: 6/8/2022.

---

<sup>1</sup> Bài viết này là kết quả của đề tài khoa học cấp Bộ “Truyền thông và vấn đề ý thức quốc gia của một số tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Lào Cai” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trần Hồng Thu làm chủ nhiệm năm 2021-2022.

## Đặt vấn đề

Truyền thông có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình xã hội hóa con người, cũng như việc hình thành và phát triển các cộng đồng tộc người. Trong đó, phương tiện thông tin đại chúng có vai trò hết sức to lớn trong đời sống xã hội, tham gia ngày càng tích cực vào hoạt động tổ chức và quản lý xã hội.

Khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc có sự khác biệt lớn về truyền thông và tiếp nhận truyền thông so với các khu vực khác ở Việt Nam. Đây là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số và phần lớn họ có mối quan hệ đồng tộc, thân tộc với những dân cư ở bên kia biên giới (Lê Minh Anh, 2013, 2019; Bùi Xuân Đỉnh và Nguyễn Ngọc Thanh đồng chủ biên, 2013; Lý Hành Sơn và Trần Thị Mai Lan đồng chủ biên, 2017; Trần Thị Kiều Dung, 2018...). Ngoài việc tiếp nhận và chịu ảnh hưởng từ các chính sách và hoạt động truyền thông của chính phủ Việt Nam, các tộc người này còn chịu ảnh hưởng và tiếp nhận những hoạt động truyền thông của phía Trung Quốc thông qua các mối quan hệ kinh tế, văn hóa, xã hội của họ với những người đồng tộc và thân tộc ở bên kia biên giới. Ngoài ra, họ còn tiếp nhận truyền thông của những người đồng tộc, đồng tôn giáo ở nhiều quốc gia trên thế giới để hình thành nên ý thức tộc người xuyên quốc gia, các cộng đồng tộc người xuyên quốc gia thông qua mạng xã hội hoặc các xuất bản phẩm như video, sách..., ví dụ như ở người Hmông (Ngo Thị Thanh Tam, 2010, 2011; Obriain, 2013; Tapp, 2010).

Tỉnh Lào Cai là một trong những địa phương có hoạt động truyền thông phát triển ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Bên cạnh việc tiếp sóng các chương trình phát thanh truyền hình của Trung ương, Lào Cai đã phát triển mạng lưới thông tin - truyền thông từ tỉnh xuống đến cơ sở, bao gồm các hình thức báo chí, xuất bản (hai tờ báo và một đài phát thanh truyền hình), thông tin điện tử (trên 500 trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trường học...), hệ thống thông tin cơ sở (2.660 cụm loa/1.683 thôn, bản, tổ dân phố) và các đội thông tin truyền thông lưu động khác (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai, 2020). Tuy nhiên, việc các tộc người ở địa phương đã tiếp nhận những luồng truyền thông trên như thế nào còn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ. Năm 2020, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai đã tiến hành một nghiên cứu về “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truyền thông ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai”, trong đó có đánh giá hiện trạng hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh, đề cập đến sự tiếp nhận về truyền thông của người dân như mức độ sẵn sàng tiếp nhận truyền thông, sự lựa chọn tiếp nhận truyền thông, các mối quan tâm về nội dung truyền thông. Song, nghiên cứu này tập trung vào người dân ở nhiều địa phương trong tỉnh chứ không chỉ ở vùng biên giới và cũng không có sự phân tích theo tộc người.

Dựa trên các kết quả nghiên cứu điền dã dân tộc học và điều tra bảng hỏi được thực hiện tại một số xã biên giới thuộc huyện Bát Xát và huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai năm 2021 và năm 2022, bài viết này tập trung phân tích sự tiếp nhận truyền thông của người Giáy và người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai trên hai phương diện: Một là, năng lực tiếp cận truyền thông của các tộc người này, bao gồm năng lực sử dụng ngôn ngữ, các phương tiện truyền thông

sẵn có, sự phổ biến trong sử dụng các mạng xã hội và mạng internet; *Hai là*, sự lựa chọn tiếp nhận truyền thông của cư dân hai tộc người. Việc cung cấp các thông tin hiểu biết về sự tiếp nhận truyền thông của người Giáy và người Hmông ở khu vực biên giới tỉnh Lào Cai như là một chỉ báo quan trọng để đánh giá tính hiệu quả của truyền thông trong khu vực.

Đề tài đã tiến hành quan sát việc tiếp nhận truyền thông của người Giáy và người Hmông đồng thời tiến hành các cuộc thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu với nhiều thông tin viên thuộc các lứa tuổi, giới tính để tìm hiểu về năng lực sử dụng ngôn ngữ, phương tiện truyền thông đại chúng mà người dân sử dụng và sự lựa chọn trong tiếp nhận truyền thông của người dân vùng biên giới ở cả ba xã biên giới nêu trên. Đề tài cũng tiến hành điều tra 207 phiếu hỏi tại hai địa bàn xã Quang Kim (105 phiếu hỏi cho người Giáy) và xã Tả Ngải Chồ (102 phiếu hỏi cho người Hmông) để thu thập các thông tin định lượng về nội dung này. Chúng tôi không tiến hành điều tra phiếu hỏi đối với người Hmông tại xã A Mú Sung do sự liên hệ xuyên biên giới của nhóm Hmông này hạn chế hơn vì điều kiện tự nhiên của khu vực. Thêm vào đó, vào thời điểm khảo sát, phần lớn người Hmông trên địa bàn đang quay trở về xã Pha Long để thăm thân. Số liệu nghiên cứu định lượng thu thập ở người Giáy chủ yếu là từ phỏng vấn phụ nữ, do phần lớn nam giới trên địa bàn đi bốc xếp hàng tại khu vực cửa khẩu nên không có mặt tại địa phương. Vì thế, các số liệu định lượng đối với dân tộc Giáy không có ý nghĩa về mặt phân tích theo giới tính. Xét về lứa tuổi, 41,9% người trả lời ở người Giáy là người trên 51 tuổi, trong khi đó phần đông người trả lời của tộc người Hmông là 50 tuổi trở xuống, người trên 51 tuổi chỉ chiếm 7,8%. Sự khác biệt này phần nào ảnh hưởng đến thông tin thu thập được từ nguồn phỏng vấn định lượng. Xét về học vấn, 43/105 người Giáy trả lời chưa được đi học, rơi vào hai nhóm tuổi: 30-50 và 51 tuổi trở lên. Trong khi đó, 17/102 người Hmông tham gia khảo sát chưa được đi học ở tất cả các nhóm tuổi. Nhóm người Hmông trên 51 tuổi phần lớn mù chữ hoặc chỉ học đến cấp 1.

### **1. Giới thiệu về địa bàn và tộc người nghiên cứu**

Lào Cai là một trong 7 tỉnh thuộc vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc<sup>2</sup> có 182,086 km đường biên giới giáp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) về phía Bắc. Khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai nằm trên địa bàn 26 xã thuộc 5 huyện, thị xã trên tổng số 9 huyện, thành phố, thị xã của tỉnh. Trên khu vực này, có 25 tộc người cư trú từ lâu đời. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số tỉnh Lào Cai là 730.420 người, trong đó: dân tộc Kinh chiếm 35,9%, tiếp đến là các dân tộc Hmông - 22,21%, Tày - 15,84%, Dao - 14,05%, Giáy - 4,7%, Nùng - 4,4%, còn lại là các dân tộc rất ít người như Phù Lát, Sán Chay, Hà Nhì, La Chí,...

Người Giáy và người Hmông là hai tộc người cư trú khá đông ở khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai. Hai tộc người này có nhiều mối quan hệ đồng tộc, thân tộc và các mối quan hệ kinh tế, văn hóa, xã hội xuyên biên giới với phía Trung Quốc. Nghiên cứu này được thực hiện tại xã Quang Kim và xã A Mú Sung của huyện Bát Xát và xã Tả Ngải Chồ của huyện Mường Khương.

<sup>2</sup> Gồm các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh.

Quang Kim là xã biên giới vùng thấp của huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, có 4,6 km đường biên giới tự nhiên với Trung Quốc là con sông Hồng, giáp với thị trấn Hà Khẩu, châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Người Giáy tại xã Quang Kim có 3.861 người, chiếm 65% tổng dân số xã. Họ là cư dân sinh sống ở đây từ rất lâu đời và có nhiều hoạt động sinh kế hằng ngày liên quan đến biên giới hoặc xuyên biên giới như khuân vác hàng hóa tại các khu vực cửa khẩu, buôn bán rau xuyên biên giới, bán hàng hoặc làm công ty xuyên biên giới,... Trong cuộc chiến tranh biên giới năm 1979, một bộ phận người Giáy ở đây đã di chuyển cư sang phía Trung Quốc và hiện nay vẫn giữ mối quan hệ thân tộc với một số gia đình người Giáy ở xã Quang Kim.

A Mú Sung là xã biên giới vùng cao của huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, là địa phương đầu tiên sông Hồng chảy vào lãnh thổ Việt Nam. Sông Hồng và suối Lũng Pô là đường biên giới tự nhiên giữa xã A Mú Sung và các địa phương thuộc châu Hồng Hà, Trung Quốc, với tổng chiều dài khoảng 18 km. Người Hmông ở xã A Mú Sung có 929 người, cư trú tại 4 thôn, sinh sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng và nương rẫy. Họ không phải là tộc người cư trú lâu đời tại xã A Mú Sung mà được chính quyền di chuyển cư từ khu vực vùng sâu của xã Pha Long, huyện Mường Khương ra sinh sống ở vùng biên giới từ năm 2007. Mặc dù cư trú ở vùng biên giới nhưng các mối quan hệ xuyên biên giới của họ rất ít vì thời gian cư trú ở đây ngắn, việc đi lại xuyên biên giới ở địa phương không dễ dàng bởi tuy chỗ ở của họ là vùng biên giới nhưng đường biên giới lại là vực sâu, khó có thể di chuyển sang bên kia biên giới. Họ chủ yếu giữ các mối quan hệ với những người đồng tộc, thân tộc, thích tộc vẫn còn ở xã Pha Long, huyện Mường Khương.

Tả Ngải Chồ là xã vùng cao biên giới của huyện Mường Khương, có đường biên giới dài khoảng 7,5 km giáp với huyện Hà Khẩu, châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Đây là địa phương có đường biên giới trên bộ rất dễ dàng và thuận tiện cho sự qua lại hai bên biên giới của người dân trước đây<sup>3</sup>. Dân số xã Tả Ngải Chồ có 3.152 người, trong đó người Hmông chiếm 98,5% tổng dân số xã. Người Hmông cư trú tại xã Tả Ngải Chồ từ lâu đời và có nhiều mối quan hệ đồng tộc, thân tộc về kinh tế, văn hóa, xã hội với phía Trung Quốc. Bên cạnh sinh kế chính là nông nghiệp, người Hmông ở địa phương có nhiều hoạt động sinh kế xuyên biên giới như buôn bán, trao đổi hàng hóa với phía Trung Quốc<sup>4</sup> và lao động làm thuê xuyên biên giới.

## **2. Năng lực tiếp nhận truyền thông của người Giáy và người Hmông ở vùng biên giới của tỉnh Lào Cai**

<sup>3</sup> Hiện nay, phần lớn đường biên giới với Trung Quốc của tỉnh Lào Cai đã được phía Trung Quốc xây dựng hàng rào thép gai cao trên 2 mét. Chỉ còn một số đoạn ở khu vực vách núi khó xây dựng của xã Tả Ngải Chồ hiện vẫn chưa hoàn tất việc xây dựng tường rào. Với việc tường rào được xây dựng, người dân xã Tả Ngải Chồ không thể qua lại biên giới như trước đây.

<sup>4</sup> Các hàng hóa trao đổi có thể là hàng nông sản, vật nuôi hoặc hàng tiêu dùng. Ngoài ra, có thể còn có những mặt hàng cấm, hàng nhập lậu.

Năng lực tiếp nhận thông tin của đồng bào tộc người thiểu số là khả năng họ hiểu và xử lý thông tin, biến thành hành động có ích trong thực tế. Năng lực tiếp nhận truyền thông của con người tùy thuộc vào nhiều yếu tố: đó là khả năng sử dụng ngôn ngữ (bao gồm các khả năng biết đọc, biết viết, các ngôn ngữ có thể sử dụng, vận dụng ngôn ngữ, học vấn), các loại hình phương tiện truyền thông có thể tiếp cận và sử dụng các luồng truyền thông, sự phổ biến của mạng internet và các mạng xã hội.

### 2.1. Năng lực sử dụng ngôn ngữ

Người Giáy và người Hmông ở vùng biên giới của tỉnh Lào Cai là các tộc người có khả năng sử dụng đa ngôn ngữ. Bên cạnh việc sử dụng thành thạo ngôn ngữ của dân tộc mình, họ có thể sử dụng một số ngôn ngữ khác nữa mà phổ biến nhất là tiếng phổ thông (tiếng Việt), tiếng Quan Hỏa (Hán ngữ phương Nam). Một số người có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ của tộc người khác như tiếng Dao, tiếng Anh,... (Xem Bảng 1)

**Bảng 1. Năng lực sử dụng một số ngôn ngữ của người Giáy và người Hmông tại địa bàn nghiên cứu**

| Ngôn ngữ           |            | Người Giáy                |       |       |       | Người Hmông |       |       |       |
|--------------------|------------|---------------------------|-------|-------|-------|-------------|-------|-------|-------|
|                    |            | Năng lực sử dụng ngôn ngữ |       |       |       |             |       |       |       |
|                    |            | Nghe                      | Nói   | Đọc   | Viết  | Nghe        | Nói   | Đọc   | Viết  |
| Tiếng phổ thông    | Trường hợp | 105                       | 105   | 63    | 62    | 99          | 99    | 81    | 80    |
|                    | Tỷ lệ      | 100%                      | 100%  | 60,0% | 59,0% | 97,1%       | 97,1% | 79,4% | 74,8% |
| Tiếng dân tộc mình | Trường hợp | 101                       | 101   | 17    | 18    | 102         | 101   | 53    | 39    |
|                    | Tỷ lệ      | 97,1%                     | 97,1% | 16,3% | 17,3% | 100%        | 99,0% | 52,0% | 38,2% |
| Tiếng dân tộc khác | Trường hợp | 5                         | 3     | 0     | 0     | 5           | 4     | 1     | 0     |
|                    | Tỷ lệ      | 4,8%                      | 2,9%  | 0%    | 0%    | 4,9%        | 3,9%  | 1%    | 0%    |
| Tiếng Quan Hỏa     | Trường hợp | 17                        | 15    | 1     | 0     | 40          | 35    | 3     | 2     |
|                    | Tỷ lệ      | 16,3%                     | 14,4% | 1,0%  | 0%    | 39,2%       | 34,3% | 2,9%  | 2,0%  |
| Tiếng Anh          | Trường hợp | 1                         | 1     | 0     | 0     | 1           | 1     | 1     | 1     |
|                    | Tỷ lệ      | 1,0%                      | 1,0%  | 0%    | 0%    | 1,0%        | 1,0%  | 1,0%  | 1,0%  |

*Nguồn: Số liệu điều tra bảng hỏi của đề tài năm 2021-2022*

Khi nói về năng lực sử dụng ngôn ngữ trong tiếp nhận truyền thông ở Việt Nam là thường nói về ngôn ngữ phổ thông - tiếng Việt. Bởi đây là ngôn ngữ chính của Việt Nam, được sử dụng chủ yếu trong các chương trình truyền thông do Việt Nam sản xuất. Ngôn ngữ tiếng Việt được giảng dạy cho tất cả người Việt Nam trong độ tuổi đi học, và có các chương trình hỗ trợ xóa mù chữ dành cho người trưởng thành không có điều kiện đi học tại các trường phổ thông. Tại tỉnh Lào Cai, mặc dù có sự nỗ lực trong giáo dục và đào tạo, nhưng

vẫn có một tỷ lệ người trên 15 tuổi không biết đọc biết viết. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Lào Cai vẫn còn 89.911 người trên 15 tuổi không biết đọc, biết viết, chiếm tỷ lệ 17,9% tổng số người trong độ tuổi này (Tổng cục thống kê, 2020). Phần lớn những người không biết đọc, biết viết thường là thuộc các tộc người thiểu số, là phụ nữ và người lớn tuổi. Theo số liệu ở Bảng 1, 100% người Giáy và 97,1% người Hmông được khảo sát có thể nghe, nói tiếng phổ thông (tiếng Việt); trong khi đó, tỷ lệ người Giáy và người Hmông có thể đọc và viết tiếng Việt thấp hơn. Tuy nhiên, mức độ sử dụng thành thạo ngôn ngữ phổ thông có sự khác nhau giữa các tộc người và các địa phương.

Người Giáy ở xã Quang Kim cư trú ở vùng thấp, nơi có đông người Kinh sinh sống và có quá trình tiếp xúc lâu dài với người Kinh nên họ có thể nghe và nói một cách thuần thực tiếng Việt, kể cả những người lớn tuổi chưa từng được đến trường đi học. Những người lớn tuổi này có thể không biết đọc, biết viết nhưng họ có thể giao tiếp tiếng Việt một cách thành thạo. Gần như không có một sự khác biệt nào trong việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp bằng tiếng Việt giữa người Giáy và người Kinh. Một bộ phận người Giáy có thể nghe, nói tiếng Quan Hỏa. Những người này chủ yếu là đã tham gia vào các hoạt động sinh kế xuyên biên giới như đi bán rau, bán hàng thuê hoặc đi làm công tại các nhà máy phía Trung Quốc.

Người Hmông ở xã A Mú Sung cư trú trên vùng núi cao, ít có điều kiện tiếp xúc với người Kinh. Người Hmông có xu hướng cư trú riêng theo tộc người, có thể tập trung hoặc phân tán cách xa nhau trên các vùng núi cao, nên sự giao tiếp của họ với những tộc người khác, đặc biệt là người Kinh vốn là tộc người cư trú vùng thấp rất hạn chế. Do đó, khả năng sử dụng tiếng Việt kém thành thạo hơn rất nhiều so với người Giáy. Những người lớn tuổi và phụ nữ trung niên người Hmông biết rất ít hoặc không biết sử dụng tiếng Việt. Lứa tuổi trẻ thường được đi học ít nhất là hết cấp trung học phổ thông nên đã có thể sử dụng tiếng Việt, mặc dù vậy nhiều người vẫn chưa sử dụng một cách thành thạo. Khác với người Hmông ở A Mú Sung, người Hmông ở Tả Ngải Chồ có khả năng sử dụng tiếng Việt khá tốt do quá trình giao lưu với người Kinh trong buôn bán, trao đổi hàng hóa. Những người trẻ tuổi có thể sử dụng tiếng Việt một cách thành thạo trong quá trình giao tiếp và tự dùng bút trả lời các câu hỏi. Những người lớn tuổi hơn và một bộ phận phụ nữ Hmông có thể giao tiếp bằng tiếng Việt nhưng còn hạn chế về hiểu nghĩa và phát âm của từ. Nhiều người trả lời “có” đối với việc biết nghe, nói, đọc, viết ngôn ngữ tiếng Việt nhưng bổ sung thêm là họ chỉ biết ít thôi, không thành thạo. Một bộ phận người Hmông hoàn toàn không nghe, nói, đọc, viết được tiếng phổ thông (phần nhiều là nữ) và họ thường không tham gia vào trả lời các câu hỏi khảo sát.

Rất nhiều người Hmông trong khu vực biên giới, chủ yếu là người cao tuổi, bên cạnh tiếng Hmông, có thể sử dụng thành thạo tiếng Quan Hỏa, một ngôn ngữ ở Trung Quốc được sử dụng khá phổ biến tại châu Hồng Hà, Trung Quốc. Người Hmông ở đây sử dụng tiếng Quan Hỏa trong giao tiếp với những người bên Trung Quốc khi họ qua đó tìm việc làm trong lúc nông nhàn và giao tiếp với người Dao cư trú lân cận. Chính quyền khi tiếp xúc với người dân, muốn tuyên truyền cho người dân đều sử dụng tiếng Hmông. Bộ máy chính quyền tại các xã này phần lớn là người Hmông.

## 2.2. Sở hữu các phương tiện truyền thông

Các phương tiện truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận truyền thông của cộng đồng. Các phương tiện truyền thông được xem như là công cụ trung gian trong mối quan hệ giữa bên phát truyền thông và bên tiếp nhận truyền thông. Các phương tiện truyền thông được đề cập ở đây là những công cụ được người dân các tộc người thiểu số vùng biên giới sử dụng để tiếp nhận truyền thông, bao gồm ti vi, chảo thu phát hoặc các phương tiện thu phát tín hiệu truyền thanh, truyền hình, đài, đầu video, máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh và điện thoại thường. Phần lớn các gia đình được khảo sát đều sở hữu các phương tiện truyền thông. Chỉ có 1 hộ người Giáy và 5 hộ người Hmông là không có phương tiện truyền thông nào. Hộ người Giáy là hộ có mức sống trung bình và 5 hộ người Hmông là hộ nghèo. Các gia đình có điều kiện sống từ trung bình trở lên đều có từ 2 đến 7 phương tiện truyền thông, trong khi đó các gia đình nghèo có số lượng phương tiện truyền thông ít hơn, trong đó 43,8% số hộ gia đình nghèo chỉ có 1 phương tiện truyền thông. Như vậy, việc sở hữu số lượng các phương tiện truyền thông có mối liên quan đến mức sống của hộ gia đình, mặc dù các phương tiện truyền thông được sử dụng tại khu vực có mức giá không quá đắt đỏ.

Ti vi là phương tiện truyền thông khá phổ biến ở trong các gia đình. Số liệu điều tra cho thấy 85,7% người Giáy và 75,2% người Hmông tham gia nghiên cứu có sở hữu ti vi. Một số gia đình cho biết, mặc dù gia đình có sở hữu ti vi nhưng đã bị hỏng không thể sử dụng được và họ phải đi xem nhờ hàng xóm. Một số gia đình có ti vi thông minh (smart tv) trực tiếp kết nối với internet. Những gia đình không có tivi kết nối trực tiếp với mạng internet thì có thể sử dụng các chảo thu phát/đầu thu kỹ thuật số để tiếp sóng các chương trình truyền hình. 31,6% số người được hỏi có sử dụng các loại chảo thu phát/đầu thu kỹ thuật số, trong đó người Giáy sử dụng phương tiện này nhiều hơn người Hmông (43,8% so với 18,8%).

Rất ít gia đình tham gia nghiên cứu có đài và đầu video. Chỉ có 3 gia đình được khảo sát có đài radio, trong đó có 2 gia đình người Giáy và 1 gia đình người Hmông. Không gia đình người Giáy nào có đầu video, chỉ 10 gia đình người Hmông có phương tiện truyền thông này. Trước đây, người Hmông ở địa phương rất ưa thích việc xem và nghe các chương trình văn nghệ do người Hmông ở Mỹ, Lào, Trung Quốc sản xuất, được sao vào băng, đĩa video và được bán rất phổ biến ở các chợ vùng cao. Hiện nay, các băng, đĩa video đã ít được sử dụng do người ta có thể xem trực tiếp trên internet qua các kênh Youtube, Tiktok,...

Máy tính cá nhân, máy tính bảng cũng ít được các gia đình Giáy và Hmông ở các xã biên giới sử dụng, do chúng có giá thành khá đắt đỏ so với các phương tiện truyền thông khác. Chỉ có 4 hộ người Giáy và 3 hộ người Hmông có máy tính cá nhân, 8 hộ người Giáy và 2 hộ người Hmông có máy tính bảng. Các gia đình mua và sử dụng các phương tiện truyền thông này chủ yếu là cán bộ xã. Họ sử dụng máy tính cá nhân chủ yếu để làm việc và kết hợp với tiếp nhận các thông tin truyền thông.

Điện thoại thông minh là phương tiện truyền thông phổ biến nhất ở đồng bào các tộc người vùng biên giới. Hầu hết người dân sử dụng loại điện thoại thông minh không quá đắt tiền, nhiều người mua các loại điện thoại thông minh đã qua sử dụng, thậm chí đã bị nứt vỡ. 81,6% số người tham gia khảo sát có sở hữu và sử dụng điện thoại thông minh, trong đó tỷ lệ này ở người Giáy là 77,1% và ở người Hmông là 86,1%. Điều này không có nghĩa là người Giáy ít sử dụng điện thoại thông minh hơn người Hmông mà do số người Giáy tham gia trả lời phỏng vấn ở độ tuổi trên 51 tuổi cao hơn so với người Hmông. Phần lớn người Hmông tham gia trả lời phỏng vấn ở độ tuổi dưới 30 và từ 31 đến 50 tuổi. Nhiều người Giáy cao tuổi không được đi học, không biết đọc và biết viết nên cũng có sự hạn chế trong sử dụng điện thoại thông minh. Một số người cao tuổi ở cả hai tộc người mặc dù không biết chữ nhưng cũng được con cái mua cho điện thoại thông minh và hướng dẫn họ sử dụng một số ứng dụng (app) như youtube để xem ca nhạc hoặc zalo để gọi điện video cho con cháu.

Phần lớn người cao tuổi, người không biết chữ của dân tộc Giáy và Hmông được khảo sát sử dụng các loại điện thoại thường để kết nối thông tin liên lạc với người thân. Tỷ lệ sở hữu và sử dụng điện thoại thường ở hai tộc người là ngang nhau, người Giáy là 25,7% và người Hmông là 22,8%. Một số người Hmông, chủ yếu là phụ nữ và ở những hộ gia đình nghèo không có điều kiện dùng điện thoại thông minh cũng sử dụng điện thoại thường làm phương tiện giao tiếp, liên lạc với người thân, bạn bè.

### **2.3. Sự phổ biến trong sử dụng internet và mạng xã hội**

Các tộc người được khảo sát sử dụng khá phổ biến internet và mạng xã hội do sự phát triển của cơ sở hạ tầng thông tin - truyền thông tại tỉnh Lào Cai và việc sử dụng các phương tiện truyền thông kết nối mạng internet cao. Cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông của tỉnh Lào Cai hiện nay đảm bảo phủ sóng di động đến 100% trung tâm xã và trên 90% số thôn, bản trên toàn tỉnh. 85,8% số xã có điểm phục vụ bưu chính; 100% số xã có kết nối cáp quang. Tổng số thuê bao internet băng rộng đạt 463.318, mật độ 563 thuê bao/100 dân. Tổng số thuê bao điện thoại di động đạt 721.278 thuê bao, mật độ 97 thuê bao/100 dân. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trường học trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã xây dựng hơn 500 trang thông tin điện tử trên mạng xã hội và thu hút nhiều lượng truy cập. Các trang thông tin điện tử, Facebook của đài truyền thanh, truyền hình Lào Cai trong đó có chương trình tiếng Dao và tiếng Hmông thu hút hàng triệu người xem, truy cập và theo dõi từ nhiều nơi trong tỉnh, trong nước và ở một số quốc gia khác (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai, 2020).

Theo số liệu điều tra của đề tài, 77,8% số người được hỏi có sử dụng internet và mạng xã hội. Những người không sử dụng mạng internet và mạng xã hội chủ yếu là người cao tuổi và mù chữ. Thiết bị họ sử dụng để kết nối vào internet chủ yếu là điện thoại thông minh (94,7% ở người Giáy và 100% ở người Hmông) với sự kết nối qua hai nhà mạng chính của Việt Nam là Viettel và Vinaphone. Trước khi biên giới bị đóng cửa do đại dịch COVID-19,

một bộ phận người dân sang Trung Quốc lao động còn sử dụng sim, thẻ của mạng di động Trung Quốc để kết nối với gia đình và bạn bè ở hai bên đường biên giới. Hiện nay, do không sang Trung Quốc lao động nên họ đã không còn sử dụng các sim điện thoại của Trung Quốc, thay vào đó là sim điện thoại của các nhà mạng Việt Nam. Ngoài kết nối internet và mạng xã hội qua điện thoại thông minh, người dân hai tộc người này ở vùng biên giới còn kết nối qua máy tính cá nhân ở gia đình, tivi thông minh và máy tính ở các điểm truy cập internet công cộng hoặc tại cửa hàng internet. Tuy nhiên, tỷ lệ này rất thấp và những người sử dụng máy tính ở các điểm truy cập internet công cộng hoặc tại cửa hàng internet chủ yếu là thanh niên.

Hầu như không có sự khác biệt về tộc người trong việc sử dụng internet và các trang mạng xã hội. Phần lớn người sử dụng kết nối vào internet (83,2%) và hai mạng xã hội phổ biến là Facebook (82%) và Zalo (88%). Hai mạng xã hội của Trung Quốc có số lựa chọn sử dụng không nhiều, chủ yếu bởi những người trẻ tuổi đi lao động ở Trung Quốc. Trong đó, phổ biến hơn cả là mạng Wechat với hơn 15% người sử dụng. Trong số người được hỏi chỉ 1 người Hmông hiện đang sử dụng QQ. Những người sử dụng Wechat và QQ là để liên lạc với gia đình ở Việt Nam trong thời gian đi làm việc ở Trung Quốc và giữ liên lạc với những người phía Trung Quốc để tìm kiếm cơ hội việc làm khi họ ở Việt Nam.

### **3. Sự lựa chọn tiếp nhận truyền thông của người Giáy và người Hmông vùng biên giới**

Có hai luồng truyền thông chính đến các tộc người trong vùng biên giới của tỉnh Lào Cai, trong đó có người Hmông và người Giáy: luồng truyền thông của Việt Nam và luồng truyền thông qua các chương trình phát thanh, truyền hình Trung Quốc. Bên cạnh đó, một phần nhỏ luồng truyền thông quốc tế cũng có thể tiếp cận đến các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nhờ sự phát triển của internet và điện thoại thông minh. Một bộ phận nhỏ người Hmông (12,4%) lựa chọn xem ca nhạc, phim truyện bằng tiếng Hmông qua các băng đĩa ghi hình sẵn.

Luồng truyền thông của Việt Nam đến các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc rất đa dạng: gồm truyền hình, truyền thanh, hệ thống truyền thanh xã, truyền thông miệng, truyền thông lưu động, internet và mạng xã hội, báo chí, pano áp phích.

*Truyền hình trong nước* là kênh truyền thông được đa phần người dân sử dụng. Ở các địa phương vùng biên giới, với sự tiếp sóng và phủ sóng cao của tỉnh Lào Cai, người dân có thể thu nhận sóng truyền hình của nhiều kênh từ các đài truyền hình như truyền hình trung ương, truyền hình Lào Cai, truyền hình của các địa phương khác tại Việt Nam. 91,9% số người được hỏi có xem các kênh của Đài truyền hình Việt Nam, trong đó số lượng người Giáy đông hơn so với người Hmông nhưng không đáng kể (93,8% so với 89,9%). Hầu hết họ xem các kênh truyền hình tiếng Việt (98,3%). Kênh truyền hình tiếng dân tộc ít được người dân theo dõi hơn, chỉ có 29,1%, trong đó tỷ lệ người Hmông xem kênh truyền hình tiếng dân tộc của Đài truyền hình Việt Nam là 42,5%, cao hơn rất nhiều so với người Giáy

(17,9%). Các nội dung truyền hình ưa thích của người dân khi xem truyền hình Việt Nam là thời sự, văn hóa dân tộc, ca nhạc, kinh tế và phim truyện. Kênh thông tin liên quan đến chính sách chỉ thu hút được 41,1% sự theo dõi của người dân.

Điều tra của đề tài cho thấy, có 95,9% người Giáy và 87,6% người Hmông được hỏi cho biết có xem các chương trình truyền hình của Lào Cai. Tỷ lệ người xem kênh truyền hình bằng tiếng Việt của Lào Cai là 78,7%, thấp hơn so với tỷ lệ người xem kênh truyền hình tiếng Việt của Đài truyền hình Việt Nam. Tuy nhiên, tỷ lệ người xem kênh truyền hình tiếng dân tộc của tỉnh là 56,8% ở người Giáy và 49,4% ở người Hmông, cao hơn so với tỷ lệ người xem kênh tiếng dân tộc của Đài truyền hình Việt Nam. Sở dĩ như vậy là do kênh tiếng dân tộc của Lào Cai phát bằng ba thứ tiếng Hmông, Dao, Giáy là những ngôn ngữ dân tộc của cư dân vùng biên giới nên được người dân đón xem nhiều hơn. Các nội dung truyền hình ưa thích khi xem truyền hình Lào Cai của người dân là thời sự, văn hóa, kinh tế, ca nhạc. Kênh phổ biến chính sách chỉ đạt 39% sự theo dõi của người dân.

Trong các chương trình truyền hình, người Giáy và người Hmông vùng biên giới đặc biệt thích xem chương trình thời sự với tỷ lệ 93,1% người xem truyền hình Việt Nam và 75,3% người xem truyền hình Lào Cai. Nhiều người dân chia sẻ là họ ngày nào cũng phải xem chương trình thời sự để biết tình hình trong nước và ở địa phương đang diễn ra như thế nào. Số người xem các chương trình truyền hình địa phương của Việt Nam thấp hơn so với hai chương trình truyền hình của Việt Nam và Lào Cai, là 36%. Trong đó, người Hmông xem các chương trình truyền hình địa phương nhiều hơn so với người Giáy (46,1% so với 26,8%).

*Truyền thanh* là kênh thông tin ít được lựa chọn của người dân, điều này được thể hiện qua việc chỉ có 3 hộ gia đình được khảo sát là có đài để nghe, tuy nhiên họ cũng cho biết rất hiếm khi họ nghe đài để tiếp nhận thông tin. Các thông tin truyền thanh chủ yếu được truyền tải đến người dân qua *hệ thống truyền thanh cấp xã*. Hệ thống truyền thanh cấp xã được lắp đặt tại hầu hết các thôn, bản trên địa bàn tỉnh Lào Cai, trong đó có vùng biên giới. Hệ thống truyền thanh này được sử dụng để thông tin đến người dân dưới ba hình thức: tiếp sóng chương trình truyền thanh Việt Nam, chương trình truyền thanh Lào Cai và lựa chọn nội dung phát thanh lại cho người dân, phát thanh các nội dung được xây dựng bởi truyền thanh huyện, và phát thanh các thông báo của chính quyền địa phương đến người dân. Với nội dung như vậy, kênh truyền thanh chủ yếu chỉ mang tính cung cấp thông tin, đặc biệt là các thông tin chính sách, pháp luật hơn là tính giải trí. Đây là kênh tiếp nhận truyền thông thụ động của người dân khi hệ thống phát thanh xã hoạt động liên tục theo thời gian 3 khung giờ trong ngày: 5h - 7h, 11h - 13h, 17h - 19h. Phần lớn các nội dung được thông tin bằng tiếng Việt, một số ít bản tin được dịch sang tiếng Giáy và tiếng Hmông.

*Truyền thông miệng* là hình thức vẫn còn được thực hành khá phổ biến ở vùng biên giới, nhất là ở các địa phương vùng sâu, vùng xa. Truyền thông miệng chủ yếu được vận

dụng bởi chính quyền địa phương và bộ đội biên phòng. Họ thường tổ chức thành những tổ công tác đến các thôn, bản biên giới để tuyên truyền, thông tin cho đại diện hộ gia đình tại các cuộc họp thôn, bản. Ngôn ngữ được sử dụng chủ yếu ở các cuộc truyền thông miệng thường là tiếng dân tộc, đặc biệt là ở người Hmông với việc nghe, hiểu tiếng Việt còn hạn chế. Nếu có sử dụng tiếng Việt tại các buổi truyền thông miệng thì cũng sẽ được cán bộ thôn, xã hỗ trợ dịch tóm tắt ý chính sang tiếng dân tộc. Việc truyền thông miệng cũng cho thấy một số hiệu quả nhất định khi nhiều người Giáy và người Hmông không biết chữ cho biết họ thu nhận được các thông tin liên quan đến chính sách biên giới, pháp luật của nhà nước và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương qua chính quyền địa phương và bộ đội biên phòng.

Tại tỉnh Lào Cai, *truyền thông lưu động* được giao cho Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Lào Cai đảm nhiệm. Hàng năm, đơn vị này thực hiện khoảng 130 buổi tuyên truyền lưu động đến các xã vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh Lào Cai để thực hiện chiếu phim lưu động, biểu diễn văn nghệ, phát thanh các bản tin tuyên truyền bằng tiếng dân tộc... đến người dân ở vùng sâu, vùng xa, những địa bàn thu nhận sóng truyền hình và internet hạn chế. Các chủ đề tuyên truyền rất đa dạng bao gồm an ninh trật tự, an ninh tổ quốc, phòng chống ma túy, mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em, phổ biến pháp luật, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, giữ gìn chủ quyền biển đảo, nông thôn mới, phòng chống dịch COVID-19,... Hình thức truyền thông này khá thu hút sự tham gia của người dân, tuy nhiên số lượng buổi truyền thông lưu động còn ít nên hiệu quả truyền thông không cao.

*Internet và mạng xã hội* là hình thức truyền thông được đông đảo người dân ưa thích và lựa chọn bởi sự tiếp cận dễ dàng nhờ cơ sở hạ tầng viễn thông tốt, phương tiện truyền thông sẵn có, thời gian và địa điểm tiếp cận linh hoạt. Người dân có thể ở bất cứ đâu, vào bất cứ thời gian nào trong ngày cùng với chiếc điện thoại di động thông minh là có thể tiếp cận được luồng thông tin khổng lồ, đa dạng và theo nhu cầu vô cùng cao qua internet. Những người Hmông trẻ tuổi ưa thích xem các chương trình giải trí trên điện thoại thông minh như các chương trình phim, ca nhạc của người Hmông do nước ngoài sản xuất và phát trên Youtube, Tiktok,... Các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo, Wechat... cũng được người dân lựa chọn sử dụng để kết nối công việc, giao lưu bạn bè, giải trí,... Hầu hết các tổ chức, cơ quan chính quyền, các hội nhóm, các dòng họ, các gia đình... đều sử dụng Zalo để thông báo tình hình, liên kết các thành viên trong cơ quan, hội nhóm, dòng họ, gia đình, anh em,...

Các báo in thường được tiếp cận hạn chế hơn, chủ yếu là một số đầu báo như Báo Nhân dân, Báo Lào Cai... được phát cho bộ máy quản lý thôn, bản. Hầu hết người dân bình thường ít được tiếp cận các loại báo in này. Lý do một phần là không có báo để đọc, và phần khác là ít người có khả năng đọc tiếng Việt (đặc biệt là người lớn tuổi). Các pano áp phích, tờ rơi thì thường được truyền thông theo các nội dung sự kiện, như bầu cử, cảnh báo an ninh,

phòng chống dịch COVID-19,... Tùy theo từng nội dung mà các pano, áp phích, tờ rơi được treo ở các trụ sở chính quyền, nơi công cộng, nơi đông người qua lại hoặc tại cửa từng hộ dân, ví dụ các biển cảnh báo an ninh vùng biên giới, số điện thoại để thông báo nếu phát hiện có người lạ xâm nhập biên giới thường được dựng theo từng khu vực dân cư; các pano, áp phích tuyên truyền bầu cử được dán ở trụ sở cơ quan chính quyền và các nơi công cộng; các pano, áp phích liên quan đến thực hiện 9K trong phòng chống COVID-19 thì được dán ở trụ sở chính quyền, nơi công cộng và tại cửa các nhà dân.

Có thể thấy, luồng truyền thông từ phía Việt Nam là rất đa dạng với nhiều sản phẩm, loại hình truyền thông và người dân tộc Giáy và Hmông ở vùng biên giới của tỉnh Lào Cai có thể tiếp cận, sử dụng. Tuy nhiên, phần lớn các sản phẩm truyền thông của Nhà nước Việt Nam sử dụng tiếng Việt để truyền tải các thông tin đến cho người dân. Do đó, chỉ những cư dân sử dụng thông thạo tiếng Việt mới có thể tiếp cận và tiếp nhận được các thông tin này. Các chương trình truyền hình, truyền thanh của Trung ương và các đài địa phương cũng có một số chương trình phát bằng tiếng dân tộc nhưng thời lượng phát sóng ít so với tiếng Việt, nội dung chương trình nặng về truyền tải thông tin và nhẹ về giải trí, hình thức chương trình khá tẻ nhạt, nên không thu hút sự chú ý của các tộc người có hạn chế trong tiếp cận các chương trình truyền hình, truyền thanh của Việt Nam. Bên cạnh đó, các tộc người thiểu số sinh sống ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có học vấn thấp, nên nhiều khi không hiểu biết và vận dụng được những thông tin mà các chương trình truyền hình, truyền thanh muốn chuyển tải. Người dân thường háo hức đón xem các chương trình truyền thông lưu động hơn, do các chương trình đó có tính giải trí cao hơn trong khi vẫn truyền tải được thông tin đến cho người dân.

Các chương trình truyền thanh, truyền hình của Trung Quốc được phát sóng rất mạnh mẽ ở khu vực vùng biên giới do hệ thống kỹ thuật phát sóng truyền thanh, truyền hình của Trung Quốc có sự vượt trội hơn so với Việt Nam. Có một thời gian, các sóng truyền thanh của Trung Quốc phát trùng tần số FM với các đài phát thanh của Việt Nam đã đè sóng và gây nhiễu hệ thống phát thanh của Việt Nam. Những năm gần đây, tỉnh Lào Cai đã chuyển phát thanh xuống tần số thấp hơn tần số đã phát trước đây thì hiện tượng nhiễu và đè sóng mới hết. 5,2% người Giáy ở Quang Kim và 6,7% người Hmông ở Tả Ngải Chồ cho biết có xem các chương trình truyền hình của Trung Quốc. Số lượng người Hmông tại A Mú Sung xem các kênh truyền hình Trung Quốc có thể còn cao hơn do phần nhiều người Hmông cao tuổi và phụ nữ ở khu vực này không biết tiếng Việt. Tuy nhiên, do thông thạo tiếng Quan Hỏa nên họ lựa chọn tiếp sóng và xem các chương trình truyền hình của Trung Quốc được phát sóng bằng tiếng Quan Hỏa, ngôn ngữ mà người Hmông hết sức quen thuộc. Các chương trình truyền hình Trung Quốc được người Hmông đánh giá là hấp dẫn, đặc biệt là ở phần phim kiếm hiệp và các chương trình nghệ thuật. Một người Hmông cho biết: “Tôi không biết tiếng Việt nên không xem các chương trình của truyền hình Việt Nam và Lào Cai. Hàng ngày tôi ngồi bán hàng ở nhà (bán hàng tạp hóa), có nhiều thời gian lắm nên tôi

*thường xem kênh của Trung Quốc (chỉ tay lên màn hình tivi đang chiếu một bộ phim kiếm hiệp). Tôi thích xem phim Trung Quốc vì nó đánh nhau rất hay và tôi hiểu được nội dung của bộ phim”* (Nam, 55 tuổi, xã A Mú Sung).

Bên cạnh truyền thanh, truyền hình Trung Quốc, một số người dân còn sử dụng các trang mạng xã hội Trung Quốc, đặc biệt là Wechat để kết nối thông tin làm ăn, bạn bè, họ hàng ở hai bên biên giới. Trước đây, họ còn sử dụng sim điện thoại Trung Quốc nhưng sau hai năm gián đoạn do dịch bệnh COVID-19 không sang được Trung Quốc để làm việc nên họ đã bỏ loại sim này.

Như vậy, có thể thấy luồng truyền thông của Việt Nam phát triển mạnh và được nhiều người Giáy và người Hmông vùng biên giới lựa chọn tiếp nhận hơn các luồng truyền thông khác từ phía Trung Quốc và bên ngoài khác. Tuy nhiên, với sự phát triển mạnh của internet, các xu hướng truyền thông của người dân có thể thay đổi, do đó để tăng cường hiệu quả của truyền thông Việt Nam đến các tộc người thiểu số vùng biên giới luôn cần sự thay đổi nội dung và hình thức truyền thông để đáp ứng được năng lực và nhu cầu truyền thông của người dân.

### **Kết luận**

Hiện nay, Việt Nam và các nước trên thế giới đang có xu hướng phát triển truyền thông theo hướng toàn cầu hóa và truyền thông đa phương tiện. Các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cũng không nằm ngoài các xu hướng này. Nhờ sự sẵn có và mở rộng của internet thông qua hệ thống thu phát sóng di động của các nhà mạng Việt Nam, các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã có thể tiếp cận với các luồng thông tin đến từ khắp các nơi trên thế giới. Họ có thể theo dõi các sản phẩm thông tin do người đồng tộc ở Mỹ, Trung Quốc và các nước khác sản xuất, có thể tương tác với các truyền thông từ nước khác qua việc bấm nút like hoặc để lại các nhận xét.

Các phương tiện truyền thông hiện nay đã có sự đa dạng hơn và các chi phí để có được những phương tiện truyền thông này nằm trong khả năng có thể chi trả của người dân, đặc biệt là sự đa dạng về mẫu mã, hình thức đẹp, giá rẻ của các loại điện thoại di động, cùng với các gói cước viễn thông, internet phù hợp với thu nhập của người dân nên được phần nhiều người dân tộc thiểu số khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Lào Cai lựa chọn, đặc biệt là giới trẻ. Trong khi đó, ti vi (kết nối internet hoặc đầu thu kỹ thuật số) là lựa chọn của những người già hoặc trẻ em. Các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Lào Cai thường dành nhiều thời gian vào công việc sản xuất, có thể là sản xuất nông nghiệp (người Hmông) hoặc là lao động làm thuê tại các bến vận chuyển hàng hóa ra cửa khẩu (người Giáy). Do đó, nhiều người trong số họ không có thời gian để xem truyền hình, nghe truyền thanh trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Thay vào đó, điện thoại di động thông minh là phương tiện tiếp nhận và phát thông tin chính của họ trong

những lúc rảnh rỗi. Vì thế, xu hướng tiếp nhận truyền thông của các cư dân tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc sẽ là qua phương tiện điện thoại di động và các mạng xã hội. Dựa trên khả năng ngôn ngữ, người Giáy vẫn sẽ tiếp nhận truyền thông nhiều hơn từ các luồng truyền thông của Việt Nam, trong khi đó người Hmông tiếp nhận các luồng truyền thông đa dạng hơn từ phía Trung Quốc và các nước khác trên thế giới nơi có người đồng tộc của họ sinh sống.

Các loại hình truyền thông lưu động vẫn phát huy hiệu quả khi có sự kết hợp tốt giữa việc cung cấp thông tin và đáp ứng nhu cầu giải trí, tiếp nhận truyền thông của người dân. Loại hình truyền thông này đặc biệt thu hút khi triển khai ở những địa phương vùng sâu, vùng xa, nơi người dân còn nhiều hạn chế trong việc tiếp xúc với bên ngoài. Loại hình truyền thông miệng cũng vẫn có vị trí ở đây khi được truyền thông bằng ngôn ngữ tộc người và bởi những người trong cộng đồng, từ đó tạo được sự tin tưởng của người dân đối với các luồng thông tin họ tiếp nhận.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Lê Minh Anh (2013), “Tiếp cận nhân học về sự tương trợ trong cộng đồng ở người Nùng Phàn Slinh vùng biên giới Việt - Trung”, trong: *Việt Nam học - Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ tư: Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững*, (tập III), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 429-445.
2. Lê Minh Anh (2019), *Quan hệ dòng họ của người Nùng Phàn Slinh ở vùng cao biên giới Việt - Trung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Trần Thị Kiều Dung (2018), “Quan hệ thân tộc xuyên biên giới và việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tộc người khu vực biên giới ở Cao Bằng hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, Số 273, tr. 47-53.
4. Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh (Đồng chủ biên, 2013), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Obirain, Lónan (2013), “Happy to Be Born Hmong”: The Implications of Transnational Musical Network for the Vietnamese-Hmong People, *Journal Vietnamese Studies*, Vol. 8, No. 2, pp. 115-148.
6. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai (2020), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truyền thông ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai*”, Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài cấp tỉnh.
7. Lý Hành Sơn và Trần Thị Mai Lan (Đồng chủ biên, 2017), *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam (Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

8. Ngo Thi Thanh Tam (2010), “Ethnic and transnational dimensions of recent Protestant conversion among the Hmong in Northern Vietnam”, *Social Compass*, 57 (3), 332–344.
9. Ngo Thi Thanh Tam (2011), *The new way: Becoming protestant Hmong in contemporary Vietnam*, Doctoral dissertation, Vrije University Amsterdam.
10. Tapp, N. (2010), *The impossibility of self: An essay on the Hmong diaspora*, Munster, Germany: LIT Verlag.
11. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.



Một góc thôn Sín Chải B, xã Tả Ngải Chồ, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

*Ảnh:* Trần Hồng Thu, chụp năm 2022